

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2022

V/v “Tranh chấp Ly hôn,
nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Chí Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Phi Hùng

2. Ông Sơn Mút

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Tiềm –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 2 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Văn Nh**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: số 229/36, Tổ 15, khóm Đông Bình, phường Đ, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long; xin vắng mặt .

2. Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị U**, sinh năm: 1990

Địa chỉ: số 229/36, Tổ 15, khóm Đông Bình, phường Đ, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 14 tháng 2 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Trần Văn Nh trình bày:

Vào năm 2009, anh Nh và chị Huỳnh Thị U quen biết tìm hiểu nhau nên quyết định cưới có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 29/8/2009 và Trần Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 10/2/2013 hiện đang sống cùng cha. Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Lý do anh Nh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị U là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, tình cảm không thể hàn gắn lại được nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và chị U có tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 5 năm 2021 đến nay. Nay, anh Nh yêu cầu được ly hôn chị U; về con yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị U cấp dưỡng; về tài sản và nợ không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nh có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc làm ăn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho Anh được ly hôn chị U; về con yêu cầu được nuôi 02 con chung là cháu Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 29/8/2009 và Trần Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 10/2/2013, không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn chị Huỳnh Thị U đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị U không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, chị Huỳnh Thị U đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa hôm nay, chị U đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt. Như vậy, chị U đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập hai lần nhưng vẫn vắng mặt và anh Nh có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Nh và chị U là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nh và chị U do quen biết có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân của anh Nh và chị U là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình hôn nhân, anh Nh và chị U thường xuyên cãi vã, vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh Nh xin ly hôn chị U là có căn cứ nên chấp nhận là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, chị U đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến cũng như không cung cấp các tài liệu chứng cứ thể hiện ý kiến đối với việc anh Nh yêu cầu ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nh.

[3] Về con chung: Anh Nh và chị U có 02 con chung tên Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 29/8/2009 và Trần Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 10/2/2013. Anh Nh yêu cầu tiếp tục được nuôi con chung và không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con là phù hợp vì cháu D và cháu Nh đang sống cùng cha và 02 cháu đều có nguyện vọng được sống với cha và để đảm bảo điều kiện phát triển của cháu D và cháu Nh sau này nên chấp nhận anh Nh được quyền tiếp tục nuôi con chung và anh Nh không yêu cầu cấp dưỡng là sự tự nguyện và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án bên phía bị

đơn chị U không cung cấp ý kiến đến việc nuôi con nên chưa có căn cứ để xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về nợ chung: Anh Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh Nh phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Nh, anh Trần Văn Nh được quyền ly hôn chị Huỳnh Thị U.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Nh, anh Nh được quyền nuôi 02 con chung là cháu Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 29/8/2009 và Trần Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 10/2/2013. Chị U chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Chị U có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nh phải nộp án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012482 ngày 17/2/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M, anh Nh đã nộp xong. Chị U không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT. VL;
- VKSTX.M;THADS.TXM;
- UBND xã Đ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Chí Cường